



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cà Mau, ngày tháng năm 2026

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ
(Dự thảo Nghị quyết quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động Khuyến nông trên địa bàn tỉnh Cà Mau) VỚI VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu (cũ) về việc Ban hành quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động Khuyến nông trên địa bàn tỉnh và Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau (Cũ) về việc Quy định nội dung chi, mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương cho hoạt động Khuyến nông trên địa bàn tỉnh Cà Mau)

NGHỊ QUYẾT SỐ 14/2020/NQ-HĐND NGÀY 08 THÁNG 12 NĂM 2020 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU (CŨ) VỀ VIỆC BAN HÀNH QUY ĐỊNH NỘI DUNG CHI, MỨC HỖ TRỢ CHO CÁC HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH	NGHỊ QUYẾT SỐ 08/2020/NQ-HĐND NGÀY 09 THÁNG 10 NĂM 2020 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU (CŨ) VỀ VIỆC QUY ĐỊNH NỘI DUNG CHI, MỨC HỖ TRỢ TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CHO HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT MỚI	THUYẾT MINH
Căn cứ pháp lý - Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; - Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính	Căn cứ pháp lý - Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; - Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 06 năm 2015;	Căn cứ pháp lý Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15; Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được	Cập nhật các quy định mới đảm bảo đầy đủ cơ sở pháp lý, kế thừa Nghị quyết kế thừa Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng nhân

quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; - Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 06 năm 2017; - Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông - Căn cứ Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông;	- Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015; - Căn cứ Nghị định số 83/2016 ngày 14 tháng 05 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật - Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 05 năm 2018 của Chính phủ về Khuyến nông; - Căn cứ Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông;	sửa đổi bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 16/2023/QH15, Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 115/2025/QH15; Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông; Căn cứ Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2021/TT-BTC;	dân tỉnh Cà Mau và Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu.
Chương I QUY ĐỊNH CHUNG			Lược bỏ để phù hợp với bố cục Điều, khoản, điểm

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1. Phạm vi điều chỉnh: a) Quy định nội dung chi, mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu. b) Những nội dung khác liên quan đến hoạt động Khuyến nông không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo Nghị định 83/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 04 năm 2018 của Chính phủ về Khuyến nông và Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông và các văn bản pháp luật có liên quan. 2. Đối tượng áp dụng a) Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động Khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu. b) Cơ quan quản lý Nhà nước về hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu	Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định nội dung chi, mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương cho hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Cà Mau. 2. Đối tượng áp dụng Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Cà Mau.	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị quyết này quy định nội dung chi, mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo Điều 10 Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2021/TT-BTC. 2. Đối tượng áp dụng Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Cà Mau.	Điều chỉnh cập nhật thêm các quy định mới đảm bảo đầy đủ cơ sở pháp lý.
--	--	---	--

Chương II NỘI DUNG CHI, MỨC HỖ TRỢ CHO CÁC HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG			Lược bỏ để phù hợp với bố cục Điều, khoản, điểm
Điều 3. Chi bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo. 1. Chi phí in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo); tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế (nếu có); thuê hội trường, phòng học thiết bị phục vụ học tập (nếu có); vật tư thực hành lớp học; thuê phiên dịch và biên dịch (nếu có); chi tổ chức khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên (nếu học viên ốm); chi khác phục vụ trực tiếp lớp học (điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vệ sinh, trông giữ xe và các khoản chi trực tiếp khác): Thực hiện theo hình thức hợp đồng với nhà cung cấp theo các quy định liên quan 2. Chi biên soạn chương trình, giáo trình tài liệu, bồi dưỡng đào tạo, tập huấn; Thực hiện theo quy định Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về	Điều 2. Nội dung chi mức hỗ trợ đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát, tham quan học tập khuyến nông. 1. Chi thù lao cho giảng viên, tiền ăn, phương tiện đi lại, phòng nghỉ áp dụng mức chi theo quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều 3 Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Riêng chi thù lao cho trợ giảng, hướng dẫn viên tham quan, thực hành, hỗ trợ 300.000 đồng/người/buổi. 2. Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học, khảo sát thực tế; thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập, vật tư thực hành lớp học, thuê phiên dịch và biên dịch (nếu có); nước uống giữa giờ, tổ chức khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ; chi khác phục vụ trực tiếp lớp học (điện,	Điều 2. Nội dung chi, mức hỗ trợ đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát, tham quan học tập khuyến nông 1. Chi thù lao cho giảng viên, tiền ăn, phương tiện đi lại, phòng nghỉ áp dụng mức chi theo quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quy định một số mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong nước của tỉnh Cà Mau. 2. Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học, khảo sát thực tế; thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập, vật tư thực hành lớp học, thuê phiên dịch và biên dịch (nếu có); nước uống giữa giờ, tổ chức khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ; chi khác phục vụ trực tiếp lớp học (điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vệ sinh, trông giữ xe và các khoản chi trực tiếp khác). Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động căn cứ sự cần thiết quyết định việc mua sắm theo phân cấp quản lý; tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về mua sắm, đấu thầu, chứng	Cập nhật các quy định mới đảm bảo đầy đủ cơ sở pháp lý, kế thừa Nghị quyết kế thừa Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau và Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp. 3. Chi thù lao giảng viên, báo cáo viên: Thực hiện theo điểm b, khoản 3 Điều 1 của Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định nội dung và mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.	nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vệ sinh, trông giữ xe và các khoản chi trực tiếp khác). Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với nhà cung cấp theo các quy định liên quan. 3. Chi hỗ trợ cho các đối tượng tại Điều 5 Nghị định 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khuyến nông a) Đối tượng chuyển giao công nghệ hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); phụ cấp tiền ăn, phương tiện đi lại, phòng nghỉ theo quy định hiện hành về chế độ công tác phí. b). Đối tượng nhận chuyển giao công nghệ được hỗ trợ như sau: Nông dân được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ tiền ăn 150.000 đồng/ người/ ngày; đi lại là 200.000 đồng/người/khóa học nếu khoảng cách từ nơi cư trú đến nơi học từ 15km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn, xã đảo,	từ, hóa đơn, các quy định về ứng dụng công nghệ thông tin, quản lý tài sản công. 3. Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, nơi ở, tài liệu học trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khuyến nông cho đối tượng nhận chuyển giao công nghệ và đối tượng chuyển giao công nghệ - Đối với đối tượng chuyển giao công nghệ theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP: + Đối tượng chuyển giao công nghệ hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ tối đa 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo). Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ, gồm chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo mức quy định tại Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Cà Mau. + Đối tượng chuyển giao công nghệ không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ tối đa 100% chi phí tài	
--	--	---	--

	mức hỗ trợ tiền đi lại 300.000 đồng/người/khóa học nếu khoảng cách từ nơi cư trú đến nơi học từ 05km trở lên; phòng nghỉ hỗ trợ 200.000 đồng/người/ngày. Chủ trang trại, tổ viên tổ hợp tác, thành viên hợp tác xã và các cá nhân khác hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo; hỗ trợ tiền ăn 75.000 đồng/người/ngày; nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên tiền đi lại 100.000 đồng/người/khóa học; phòng nghỉ hỗ trợ 100.000 đồng/người/ngày. - Doanh nghiệp vừa và nhỏ trực tiếp hoạt động trong lĩnh vực khuyến nông được hỗ trợ 50% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo)	liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ tối đa 100% chi phí tiền ăn theo mức quy định tại Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND; hỗ trợ tiền đi lại là 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng bãi ngang, xã đảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên. Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo mức quy định tại Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND. - Đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP: + Người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ tối đa 100% chi phí tiền ăn theo mức quy định	
--	---	---	--

		tại Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND; hỗ trợ tiền đi lại là 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng bãi ngang, xã đảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên. Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo mức quy định tại Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND. + Người nông dân sản xuất hàng hóa, chủ trang trại, tổ viên tổ hợp tác, thành viên hợp tác xã và các cá nhân khác hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo; hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại tối đa không quá 50% mức quy định đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ là người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo nêu trên. Đối với chỗ ở cho	
--	--	--	--

		người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 50% chi phí theo mức quy định tại Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND. + Doanh nghiệp vừa và nhỏ trực tiếp hoạt động trong các lĩnh vực khuyến nông được hỗ trợ 50% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo) khi tham dự đào tạo.	
Điều 4. Chi thông tin tuyên truyền 1. Tổ chức diễn đàn, tọa đàm, hội thảo tham quan học tập: Chi chủ tọa và thư ký, báo cáo viên trình bày tại diễn đàn, hội thảo, tọa đàm, bồi dưỡng viết báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức diễn đàn, hội thảo, tọa đàm đặt hàng, nhưng không trình bày, thành viên tham gia hội thảo, mức chi cụ thể như sau: a) Chi chủ trì diễn đàn, hội thảo, tọa đàm (cấp tỉnh): 750.000 đồng / buổi. b) Chi chủ trì hội thảo, tọa đàm	Điều 3. Nội dung chi, mức hỗ trợ thông tin, tuyên truyền cho hoạt động khuyến nông 1. Tuyên truyền qua hệ thống thông tin đại chúng a) Chi xây dựng bản tin, trang thông tin điện tử Khuyến nông, nông nghiệp; xuất bản tạp chí, tài liệu và các loại ấn phẩm khuyến nông; ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu thông tin Khuyến nông. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng theo hình thức đấu thầu,	Điều 3. Nội dung chi, mức hỗ trợ thông tin, tuyên truyền cho hoạt động khuyến nông 1. Tuyên truyền qua hệ thống truyền thông đại chúng a) Chi xây dựng bản tin, trang thông tin điện tử khuyến nông, nông nghiệp; xuất bản tạp chí, tài liệu và các loại ấn phẩm khuyến nông; ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu thông tin khuyến nông. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng theo phương thức đấu thầu, trường hợp đặt hàng giao nhiệm vụ thực hiện theo đơn giá được	Cập nhật các quy định mới đảm bảo đầy đủ cơ sở pháp lý, kế thừa Nghị quyết kế thừa Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau và Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

(cấp cơ sở): 350.000 đồng/ buổi c) Chi thư ký diễn đàn, hội thảo, tọa đàm (cấp tỉnh): 250.000 đồng/ buổi. d) Chi thư ký diễn đàn, hội thảo, tọa đàm (cấp cơ sở): 120.000 đồng/ buổi. đ) Chi báo cáo viên trình bày tại diễn đàn, hội thảo, tọa đàm (cấp tỉnh): 1.000.000 đồng / báo cáo e) Chi báo cáo viên trình bày tại hội thảo, tọa đàm (cấp cơ sở): 500.000 đồng / báo cáo g) Chi báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức diễn đàn, hội thảo, tọa đàm đặt hàng nhưng không trình bày tại diễn đàn, hội thảo, tọa đàm (cấp tỉnh): 500.000 đồng/ báo cáo. h) Chi báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo, tọa đàm đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo, tọa đàm (cấp cơ sở): 250.000 đồng/ báo cáo. i) Thành viên tham gia diễn đàn, hội thảo, tọa đàm (cấp tỉnh): 100.000 đồng/ thành viên/ buổi k) Thành viên tham gia hội thảo, tọa đàm (cấp cơ sở): 70.000 đồng/ thành viên/ buổi. 2. Thuê hội trường; thuê máy	trường hợp đặt hàng giao nhiệm vụ thực hiện theo đơn giá được cấp thẩm quyền phê duyệt; b) Chi nhuận bút (tin viết, bài viết, ảnh, clip...) cho tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả thông tin được đăng trên trang thông tin điện tử Khuyến nông và nông nghiệp, bản tin Khuyến nông: 0,7 đơn vị/ tin viết; từ 1,5 đến 02 đơn vị/ bài viết dưới 5 trang A4, 2,5 đơn vị/ bài viết từ 5 trang A4 trở lên, 0,2 đơn vị/ảnh minh họa, 1 đơn vị/ảnh bìa; 5đơn vị. video clip thực hiện theo đặt hàng của Ban biên tập; Thù lao cho người sưu tầm, cung cấp thông tin: 0,2 đơn vị/ tin viết; từ 0.2 đến 0,4 đơn vị/ bài viết dưới 5 trang A4; 0,5 đơn vị/ bài viết từ 5 trang A4 trở lên, video clip; Hỗ trợ cho Chịu trách nhiệm xuất bản, Ban Biên tập trang thông tin điện tử khuyến nông và nông nghiệp: 5 đơn vị/ tháng đối với Chịu trách nhiệm xuất bản, Trưởng Ban biên tập; 4 đơn vị/ tháng đối với Phó trưởng Ban Biên tập; 3 đơn vị/ tháng đối với Biên tập viên, chuyên viên quản trị kỹ thuật (trong đó, đơn vị được tính bằng 10% mức lương cơ sở	cấp thẩm quyền phê duyệt. b) Chi nhuận bút (tin viết, bài viết, ảnh, clip,...) đăng trên Bản tin khuyến nông trang thông tin điện tử khuyến nông, tài liệu khuyến nông và tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng. Mức chi thực hiện theo quy định tại Quyết định Quy định mức chi cho hoạt động Cổng/trang Thông tin điện tử và chế độ nhuận bút trong lĩnh vực thông tin cơ sở trên địa bàn tỉnh Cà Mau. 2. Tổ chức diễn đàn, tọa đàm, hội nghị, hội thảo, mức chi thực hiện theo Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND và dự toán được cấp trên có thẩm quyền phê duyệt. Đối với mức chi chủ tọa và ban cố vấn, báo cáo viên diễn đàn, tọa đàm, hội thảo thực hiện theo điểm b khoản 3 Điều 5 Thông tư số 75/2019/TT-BTC. 3. Tổ chức, tham gia hội chợ, triển lãm Nông nghiệp cấp tỉnh, khu vực, quốc gia Hỗ trợ 100% chi phí gồm các nội dung: thông tin, tuyên truyền, quảng bá giới thiệu hội chợ, triển lãm; thuê mặt bằng, dàn dựng, thiết kế, lắp đặt gian hàng; vận chuyển, mua, thuê, khấu hao mẫu vật, sản phẩm trưng bày; thuê hội trường, thiết bị, phương tiện, trang trí, nước uống, văn phòng phẩm; hoạt động Ban tổ chức; điện, nước, vệ sinh, an	
--	--	---	--

chiếu, trang thiết bị; photo tài liệu; chi thuê phương tiện đưa đón đại biểu từ nơi nghỉ tới nơi tổ chức cuộc họp trong trường hợp cơ quan, đơn vị không có phương tiện hoặc có nhưng không đáp ứng được số lượng đại biểu, phòng nền, băng rôn; văn phòng phẩm và các khoản chi khác. Mức chi: Chi thức tế theo tình hình hợp đồng với nhà cung cấp theo các quy định có liên quan. 3. Tổ chức hội nghị, chi hỗ trợ tiền ăn, thuê phòng nghỉ; giải khát giữa giờ thực hiện theo Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐNS ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc thi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu Đối với tiền ăn, tiền đi lại cho giảng viên, báo cáo viên, trợ giảng; chi phí thanh toán tiền phương tiện đi lại, tiền thuê phòng nghỉ cho giảng viên, báo cáo viên, trợ giảng: Thực hiện theo Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh	hiện hành). 2. Tổ chức diễn đàn, tọa đàm, hội nghị, hội thảo, mức chi thực hiện theo Nghị quyết số 22/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về chế độ công tác phí, chế độ hội nghị và chế độ chi tiếp khách trên địa bàn tỉnh Cà Mau và dự toán được cấp trên có thẩm quyền phê duyệt. 3. Tổ chức, tham gia hội chợ, triển lãm Nông nghiệp cấp tỉnh, khu vực, quốc gia Hỗ trợ 100% chi phí gồm các nội dung: thông tin, tuyên truyền, quảng bá giới thiệu hội chợ, triển lãm; thuê mặt bằng, dàn dựng, thiết kế, lắp đặt gian hàng; vận chuyển, mua, thuê, khấu hao mẫu vật, sản phẩm trưng bày; thuê hội trường, thiết bị, phương tiện, trang trí, nước uống, văn phòng phẩm; hoạt động Ban tổ chức; điện, nước, vệ sinh, an ninh, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ, chi phí quản lý và chi khác. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với đơn vị cung cấp có liên quan và theo đơn giá thực tế được cấp thẩm quyền phê duyệt.	ninh, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ; chi phí quản lý và chi khác. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với đơn vị cung cấp có liên quan và theo đơn giá thực tế được cấp thẩm quyền phê duyệt. Tổ chức hội thi, tuyên truyền, vận động về các hoạt động khuyến nông: Thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 5 Thông tư số 75/2019/TT-BTC.	
---	--	---	--

về việc ban hành quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu. Mức chi thù lao cho trợ giảng, hướng dẫn viên tham quan, thực hành thao tác kỹ thuật là 100.000 đồng/ người / buổi	4 Tổ chức, tham gia hội thi, tuyên truyền, vận động về các hoạt động Khuyến nông Hỗ trợ 100% chi phí bao gồm các nội dung: thông tin, tuyên truyền, giới thiệu hội thi; khảo sát, sơ tuyển; thuê hội trường, thiết bị, phương tiện, trang trí, nước uống, văn phòng phẩm; hoạt động Ban tổ chức; bồi dưỡng Ban giám khảo; Hội đồng tư vấn khoa học; biên soạn câu hỏi, đáp án; bồi dưỡng đạo diễn, biên tập, dàn dựng chương trình; hỗ trợ đội tuyển luyện tập và dự thi; điện, nước, vệ sinh, an ninh, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ, chi phí quản lý và chi khác. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với đơn vị cung cấp có liên quan và theo đơn giá thực tế được cấp có thẩm quyền phê duyệt.		
Điều 5. Chi xây dựng và nhân rộng mô hình: 1. Nội dung hoạt động: a) Xây dựng mô hình trình diễn áp dụng tiên bộ kỹ thuật, công nghệ phù hợp với từng địa phương, nhu cầu sản xuất và định hướng phát triển của ngành. b) Chuyển giao tiên bộ kỹ thuật,	Điều 4. Nội dung chi, mức hỗ trợ xây dựng và nhân rộng mô hình sản xuất: 1. Hỗ trợ 100% chi phí giống, thiết bị, vật tư thiết yếu đối với mô hình trình diễn ở địa bàn thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn, xã đảo, địa bàn bị ảnh hưởng thiên tai, dịch hại, biến đổi	Điều 4. Nội dung chi, mức hỗ trợ xây dựng và nhân rộng mô hình sản xuất 1. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn a) Mô hình trình diễn ở địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn, địa bàn bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch hại, biến đổi khí hậu theo công bố của cấp có thẩm	Điều chỉnh theo khoản 1 Điều 29 của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ về khuyến nông đảm bảo cơ sở pháp lý.

công nghệ từ các mô hình trình diễn, điển hình sản xuất tiên tiến ra diện rộng 2. Chi hỗ trợ giống, thiết bị, vật tư thiết yếu: a) Mô hình trình diễn ở địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn, địa bàn bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch hại, biến đổi khí hậu theo công bố của cấp có thẩm quyền được hỗ trợ 100% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình. b) Mô hình trình diễn ở địa bàn vùng bãi ngang ven biển được hỗ trợ 70% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình. c) Mô hình trình diễn ở địa bàn còn lại trong tỉnh được hỗ trợ 50% chi phí về giống, thiết bị, vật tư, thiết yếu để xây dựng mô hình; địa bàn nào d) Mô hình ứng dụng công nghệ cao được hỗ trợ 40% tổng kinh phí mô hình đ) Mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp được hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện mô hình, nhưng không quá 100 triệu đồng/ mô hình.	khí hậu theo công bố của cấp có thẩm quyền, mức hỗ trợ không quá 400 triệu đồng/ mô hình; 50% đối với địa bàn còn lại, mức hỗ trợ không quá 200 triệu đồng/ mô hình 2. Hỗ trợ 100% chi phí chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh 3. Chi tập huấn kỹ thuật, thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo, tham quan học tập nhân rộng mô hình, sơ kết, tổng kết mô hình, mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 2, Điều 3 Nghị quyết này. 4. Hỗ trợ cho cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình tính bằng mức lương cơ sở/ tháng (x) thời gian thực tế theo tháng triển khai mô hình do cấp thẩm quyền phê duyệt	quyền được hỗ trợ 100% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình. b) Mô hình trình diễn ở địa bàn vùng bãi ngang ven biển được hỗ trợ 70% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình. c) Mô hình trình diễn ở địa bàn còn lại trong tỉnh được hỗ trợ 50% chi phí về giống, thiết bị, vật tư, thiết yếu để xây dựng mô hình. d) Mô hình ứng dụng công nghệ cao được hỗ trợ 40% tổng kinh phí mô hình. đ) Mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp được hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện mô hình, nhưng không quá 100 triệu đồng/mô hình. e) Hỗ trợ 100% chi phí chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn, dịch bệnh khi tham gia xây dựng mô hình theo quy định hiện hành. 2. Chi tập huấn kỹ thuật, thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo, tham quan học tập nhân rộng mô hình, sơ kết, tổng kết mô hình, mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 2, Điều 3 Nghị quyết này. 3. Hỗ trợ cho cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình tính bằng mức lương cơ sở/	
---	--	--	--

e) Hỗ trợ 100% chi phí chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn, dịch bệnh khi tham gia xây dựng mô hình theo quy định hiện hành. 3. Chi tiền tập huấn kỹ thuật, sơ kết, tổng kết mô hình: Chi tài liệu, văn phòng phẩm, vật tư thực hành, thuê hội trường, trang thiết bị phục vụ, xăng xe, thuê xe: Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành và hợp đồng với nhà cung cấp được lựa chọn 4. Chi hỗ trợ tiền ăn thực hiện theo quy định tại điều 3 Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị trên địa bàn tỉnh. 5. Chi thù lao Giảng viên, báo cáo viên (<i>đã bao gồm biên soạn tài liệu</i>); Mức chi thực hiện theo điểm b khoản 3 điều 1 của Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định nội dung và mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức viên chức trên		tháng (x) thời gian thực tế theo tháng triển khai mô hình do cấp thẩm quyền phê duyệt.	
---	--	---	--

địa bàn tỉnh Bạc Liêu. 6. Chi thông tin tuyên truyền Hội nghị, hội thảo, tham quan học tập nhân rộng mô hình: mức chi quy định tại điều 3 và điều 4 của quy định này. 7. Chi cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình trình diễn bằng mức lương cơ sở / 22 ngày nhân (x) với số ngày thực tế thuê			
Điều 6. Chi tư vấn, dịch vụ khuyến nông 1. Hoạt động tư vấn thông qua đào tạo, tập huấn, diễn đàn, tọa đàm: Mức chi thực hiện theo quy định tại điều 3 quy định này. 2. Hoạt động tư vấn thông qua các phương tiện truyền thông, diễn đàn, tọa đàm: Mức chi theo quy định tại Điều 4 quy định này. 3. Hoạt động tư vấn trực tiếp, tư vấn và dịch vụ thông qua thỏa thuận, hợp đồng: Mức chi thực hiện theo thỏa thuận, hợp đồng căn cứ quy định pháp luật có liên quan.	Điều 5. Nội dung chi, mức hỗ trợ tư vấn và dịch vụ khuyến nông 1. Tư vấn thông qua đào tạo, tập huấn, mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết này. 2. Tư vấn thông qua các phương tiện truyền thông, mức chi thực hiện theo Điều 3 Nghị quyết này. 3. Tư vấn trực tiếp và các hoạt động dịch vụ thông qua thỏa thuận, hợp đồng thực hiện theo quy định hiện hành.	Điều 5. Nội dung chi, mức hỗ trợ tư vấn và dịch vụ khuyến nông 1. Tư vấn thông qua đào tạo, tập huấn, mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết này. 2. Tư vấn thông qua các phương tiện truyền thông, mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết này. 3. Tư vấn trực tiếp và các hoạt động dịch vụ thông qua thỏa thuận, hợp đồng thực hiện theo quy định hiện hành.	Kế thừa Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau và Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu
Điều 7. Hợp tác quốc tế về khuyến nông: 1. Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành, theo các hiệp định, nghị định thư hoặc thỏa	Điều 6 Nội dung chi mức hỗ trợ hợp tác quốc tế về khuyến nông: 1. Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành, theo các hiệp định, nghị định thư hoặc thỏa	Điều 6. Nội dung chi, mức hỗ trợ hợp tác quốc tế về khuyến nông 1. Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành, theo các hiệp định, nghị định thư	Cập nhật các quy định mới đảm bảo đầy đủ cơ sở pháp lý, kế thừa Nghị quyết kế thừa Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND

thuận, hợp đồng chuyển giao công nghệ giữa các tổ chức, cá nhân trong nước với các tổ chức, cá nhân nước ngoài. 2. Đón tiếp các đoàn khách nước vào vào làm việc: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 07 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bạc Liêu	thuận, hợp đồng chuyển giao công nghệ giữa các tổ chức, cá nhân trong nước với các tổ chức, cá nhân nước ngoài. 2. Đón tiếp các đoàn khách nước ngoài vào làm việc: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 08 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ chi tiếp khách trong nước.	hoặc thỏa thuận, hợp đồng chuyển giao công nghệ giữa các tổ chức, cá nhân trong nước với các tổ chức, cá nhân nước ngoài. 2. Đón tiếp các đoàn khách nước ngoài vào làm việc: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 25 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định mức chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cà Mau.	ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau và Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu.
Điều 8. Nội dung chi khác: 1. Nguồn tài trợ và đóng góp hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước (nếu có) thực hiện theo quy định của Nghị quyết này và các quy định có liên quan khác hoặc quy định của nhà tài trợ. 2. Thuê chuyên gia trong và ngoài nước phục vụ hoạt động Khuyến nông đánh giá hiệu quả hoạt động Khuyến nông: Mức chi theo Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội	Điều 7. Nội dung chi mức hỗ trợ khác: 1. Thuê chuyên gia trong và ngoài nước phục vụ hoạt động Khuyến nông đánh giá hiệu quả hoạt động Khuyến nông căn cứ vào nội dung yêu cầu công việc thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo hợp đồng và không quá 20.000.000 đồng/người/tháng. Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền xem xét, quyết định mức lương chuyên gia tư vấn cao hơn nhưng tối đa không quá 1,5 lần mức so với mức	Điều 7. Nội dung chi, mức hỗ trợ khác 1. Thuê chuyên gia trong và ngoài nước phục vụ hoạt động khuyến nông đánh giá hiệu quả hoạt động khuyến nông: Mức chi theo Thông tư số 004/2025/TT-BNV ngày 07 tháng 05 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn Nhà nước. 2. Mua bản quyền tác giả, công nghệ mới phù hợp để chuyển giao gắn với chương trình, dự án được cấp có thẩm	Cập nhật các quy định mới đảm bảo đầy đủ cơ sở pháp lý, kế thừa Nghị quyết kế thừa Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau và Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

quy định mức lương đối với các chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn Nhà nước 3. Mua bản quyền tác giả, công nghệ mới phù hợp để chuyển giao gắn với Chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Mức chi theo hợp đồng hoặc thảo thuận giữa các bên theo quy định pháp luật. 4. Mua sắm sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị phục vụ cho hoạt động Khuyến nông: Thực hiện theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt	quy định này. 2. Mua bản quyền tác giả, công nghệ mới phù hợp để chuyển giao gắn với chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức chi theo hợp đồng hoặc thỏa thuận giữa các bên liên quan theo quy định pháp luật. 3. Mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị phục vụ cho hoạt động Khuyến nông: thực hiện theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt. 4. Quản lý nhiệm vụ khuyến nông a) Cơ quan quản lý Khuyến nông được trích tối đa 3% nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền giao dự toán trong năm để phục vụ công tác quản lý khuyến nông, báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nội dung và kinh phí trước khi thực hiện. b) Tổ chức chủ trì và đơn vị triển khai thực hiện dự án, nhiệm vụ Khuyến nông được trích tối đa 5% nguồn kinh phí Khuyến nông được cấp có thẩm quyền giao dự toán trong năm để chi cho công tác tổ chức thực hiện, quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm	quyền phê duyệt. Mức chi theo hợp đồng hoặc thỏa thuận giữa các bên liên quan theo quy định pháp luật. 3. Mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị phục vụ cho hoạt động khuyến nông: thực hiện theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt. 4. Quản lý nhiệm vụ khuyến nông a) Cơ quan quản lý khuyến nông được trích tối đa 3% nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền giao dự toán trong năm để phục vụ công tác quản lý khuyến nông. Nội dung chi và định mức chi thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 9 Thông tư số 75/2019/TT-BTC. b) Tổ chức chủ trì và đơn vị triển khai thực hiện dự án, nhiệm vụ khuyến nông được trích tối đa 5% nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền giao dự toán trong năm để chi cho công tác tổ chức thực hiện, quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, quyết toán và chi khác. Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành. 5. Các khoản chi khác phục vụ cho hoạt động khuyến nông theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.	
---	---	--	--

	thu, quyết toán và chi khác. Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành. 5. Các khoản chi khác phục vụ cho hoạt động Khuyến nông theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.		
Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện hoạt động khuyến nông 1. Ngân sách địa phương đảm bảo kinh phí cho các hoạt động Khuyến nông địa phương và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã) quản lý, tổ chức thực hiện. 2. Nguồn tài trợ và đóng góp hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước (nếu có) được thực hiện theo quy định của nghị quyết này và các quy định có liên quan khác hoặc theo quy định của nhà tài trợ. 3. Nguồn kinh phí lồng ghép với các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình mục tiêu và các	Điều 8. Nguồn kinh phí thực hiện khuyến nông 1. Nguồn ngân sách địa phương, gồm: a) Nguồn kinh phí bố trí cho chương trình, kế hoạch khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp; b) Nguồn kinh phí lồng ghép với các chương trình, kế hoạch, dự án khác để thực hiện mục tiêu của Khuyến nông. 2. Ngoài nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương, khuyến khích các tổ chức, cá nhân sử dụng các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để thực hiện hoạt động Khuyến nông. Các tổ chức, cá nhân được áp dụng các quy định tại Nghị quyết này trong việc sử dụng nguồn kinh phí hợp pháp khác khi thực hiện hoạt động Khuyến nông trên địa bàn tỉnh Cà Mau.	Điều 8. Nguồn kinh phí thực hiện 1. Nguồn ngân sách địa phương, gồm: a) Nguồn kinh phí bố trí cho chương trình, kế hoạch khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp; b) Nguồn kinh phí lồng ghép với các chương trình, kế hoạch, dự án khác để thực hiện mục tiêu của khuyến nông. 2. Ngoài nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương, khuyến khích các tổ chức, cá nhân sử dụng các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để thực hiện hoạt động khuyến nông. Các tổ chức, cá nhân được áp dụng các quy định tại Nghị quyết này trong việc sử dụng nguồn kinh phí hợp pháp khác khi thực hiện hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Cà Mau.	Kế thừa Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau và Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Chương trình, dự án khác để thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ của Khuyến nông			
		Điều 9. Hiệu lực thi hành 1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2026. 2. Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành: a) Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định nội dung chi, mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương cho hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Cà Mau. b) Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu quy định nội dung chi, mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương cho hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu	Bổ sung để đảm bảo cơ sở pháp lý cho việc thi hành
	Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp 1. Đối với các chương trình, dự án, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ khuyến nông được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực và đang thực hiện thì tiếp tục thực hiện theo dự toán đã phê	Điều 10. Điều khoản chuyển tiếp 1. Đối với các chương trình, dự án, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ khuyến nông được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực và đang thực hiện thì tiếp tục thực hiện theo dự toán đã phê duyệt. 2. Đối với các chương trình, dự án, kế	Kế thừa Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau và điều chỉnh bổ sung bổ sung đúng quy định

	duyet. 2. Đối với các chương trình, dự án, kế hoạch Khuyến nông chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán, đơn vị chủ trì chương trình, dự án, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ khuyến nông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán theo quy định tại Nghị quyết này. 3. Trường hợp văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.	hoạch khuyến nông chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán, đơn vị chủ trì chương trình, dự án, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ khuyến nông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán theo quy định tại Nghị quyết này. 3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại các văn bản mới. 4. Đối với các nhiệm vụ quy định nội dung chi, mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương cho hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Cà Mau đã được cấp có thẩm quyền phân bổ nguồn vốn trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục sử dụng nguồn vốn đã cấp để thực hiện đến khi hoàn thành nhiệm vụ.	
	Điều 10: Tổ chức thực hiện 1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này. 2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Khóa IX,	Điều 11. Tổ chức thực hiện 1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này. 2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết. 3. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi,	Kế thừa Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau và điều chỉnh bổ sung đúng quy định

	kỳ họp thứ 14 (chuyên đề) thông qua ngày 09 tháng 10 năm 2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2020	bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.	
--	---	--	--